

Số: /GPMT-BQL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 12 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Trưởng ban Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong phạm vi các khu chế xuất, khu công nghiệp được giao quản lý.

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 45/2025/CV-NT ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Ngọc Tùng về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật quy mô 4.320 tấn/năm” và các hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Ngọc Tùng, địa chỉ trụ sở chính tại Lô E21-22-23, đường 12, Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật quy mô 4.320 tấn/năm” tại Lô E21-22-23, đường 12, Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật quy mô 4.320 tấn/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô E21-22-23, đường 12, Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 0301415086, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười tám, ngày 07 tháng 01 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 1017354677, chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 12 năm 2014 và chứng nhận điều chỉnh lần thứ hai ngày 01 tháng 04 năm 2025 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

1.4. Mã số thuế: 0301415086.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 4.500 m².

- Nhóm dự án: Nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí môi trường tương đương dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

- Công suất: Sản xuất sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật quy mô 4.320 tấn/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình sản xuất sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật dạng lỏng:

(1) Nước sau lọc RO → Khuấy.

(2) Hoạt chất (Nguyên liệu) → Cân → Nghiền.

(1) + (2) → Khuấy → Sang chai/ Đóng gói → Siết nút/ Hàn miệng → Dán nhãn → Vô màng co → Ép màng co → Kiểm tra → Đóng thùng.

+ Quy trình sản xuất phối trộn, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật dạng bột:

Nguyên liệu, phụ gia → Phối trộn → Nghiền mịn → Phối trộn → Bán thành phẩm → Kiểm tra mẫu → Cân → Đóng gói, hàn miệng → Kiểm tra → Đóng thùng.

+ Quy trình sản xuất phối trộn, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật dạng hạt:

Nguyên liệu, phụ gia → Phối trộn → Nghiền mịn → Phối trộn → Kiểm tra → Bán thành phẩm → Đùn hạt → Sấy → Sàng → Kiểm tra mẫu → Cân → Đóng gói, hàn miệng → Kiểm tra → Đóng thùng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Ngọc Tùng:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Ngọc Tùng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3: Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 năm

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 25 tháng 12 năm 2035)

Điều 4: Giao Phòng Quản lý Môi trường - Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Ngọc Tùng;
- UBND TP.HCM;
- Sở NN&MT;
- UBND xã Tân Nhựt;
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Phúc;
- Lãnh đạo Ban;
- Cổng thông tin điện tử BQL các KCX&CN;
- Lưu: VT, P.QLMT,V(12).
- Mã hồ sơ: H29.34-251223-0095

TRƯỞNG BAN

Bùi Minh Trí

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 12 năm 2025
của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải số 126/2019/HĐDVXLNT/LMX.TTCN ngày 08 tháng 11 năm 2019 để tiếp tục xử lý, không xả trực tiếp nước thải ra ngoài môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của công nhân được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn vào hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày.đêm để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Lê Minh Xuân.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình vệ sinh thiết bị, dụng cụ, rửa tay nhiễm hóa chất của công nhân, nước thải xả cặn sau hệ thống xử lý khí thải, nước thải xả cặn sau hệ thống lọc nước được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày.đêm để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Lê Minh Xuân.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại:

- Số lượng: 02 bể, kích thước mỗi bể là 13 m³.
- Hóa chất sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày.đêm

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

(1) Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Bể thu gom.

(2) Nước thải sản xuất → Bể thu gom → Bể điều hòa → Cụm bể phản ứng Fenton → Bể lắng hóa lý.

(1) + (2) → Bể điều hòa chung → Bể MBBR → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Hồ ga giám sát nước thải → Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Lê Minh Xuân.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: H_2SO_4 , NaOH, H_2O_2 , $FeSO_4$, Polymer, Chlorine.
- Công suất thiết kế: 30 m³/ngày.đêm.
- Chế độ xả nước thải: Xả liên tục.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày.đêm được đầu nối vào hồ ga nước thải trên đường số 12 của Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, tọa độ X = 1187710; Y = 586492 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiếu 3⁰).

- Đảm bảo cung cấp điện cho các thiết bị được hoạt động liên tục.

- Bố trí nhân viên quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải. Yêu cầu người quản lý, vận hành công trình xử lý nước thải phải có trình độ chuyên môn cần thiết và nắm bắt được một số nguyên tắc, thực hiện đúng các thao tác kỹ thuật về quản lý, vận hành công trình xử lý nước thải.

- Thường xuyên vận hành, kiểm tra, duy tu và bảo dưỡng các máy móc, thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải, lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn. Không có công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và định kỳ hút bùn của bể tự hoại để bảo đảm khả năng hoạt động của bể tự hoại. Bùn từ bể tự hoại được quản lý theo Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và bùn thải từ bể phốt, hầm cầu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Định kỳ phối hợp với Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Phúc (chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Lê Minh Xuân) kiểm tra chất lượng nước thải tại hồ ga đầu nối để theo dõi các hoạt động của hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp bảo trì hoặc có sự cố đối với hệ thống thu gom và xử lý nước thải, chủ cơ sở sẽ ngưng hoạt động phát sinh nước thải sản xuất để khắc phục xử lý, đồng thời có văn bản thông báo đến Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Phúc để kịp thời phối hợp khắc phục sự cố. Trong thời

gian khắc phục sự cố hệ thống xử lý nước thải, chủ cơ sở sẽ chuyển giao toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định, đảm bảo không xả trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian bắt đầu: Sau khi được cấp Giấy phép môi trường.
- Thời gian kết thúc: Sau 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại bể thu gom nước thải sản xuất (quan trắc nước thải đầu vào) và tại hố ga giám sát nước thải (quan trắc nước thải đầu ra).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm:

- Các chất ô nhiễm: pH, BOD₅ (20°C), COD, Tổng nitơ, Tổng phốt pho (tính theo P), Amoni (tính theo N), Chất rắn lơ lửng, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ, Tổng phenol.

- Giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm: Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Lê Minh Xuân.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm của bể xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung theo khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Ít nhất 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Chủ cơ sở có trách nhiệm:

3.1. Tách rời hoàn toàn hệ thống thu gom, thoát nước thải với hệ thống thu gom, thoát nước mưa; thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng yêu cầu đầu nổi, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, không được phép xả thải trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nổi nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Lê Minh Xuân. Khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu so với tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Lê Minh Xuân phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành

hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.4. Bố trí nhân viên quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải. Yêu cầu người quản lý, vận hành công trình xử lý nước thải phải nắm bắt được một số nguyên tắc, thực hiện đúng các thao tác kỹ thuật về quản lý, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.5. Lập nhật ký vận hành, ghi đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.6 Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 12 năm 2025 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải từ quá trình sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật dạng lỏng.

- Nguồn số 02: Bụi, khí thải từ quá trình phối trộn, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật dạng hạt.

- Nguồn số 03: Bụi, khí thải từ quá trình phối trộn, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật dạng bột.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải và vị trí xả khí thải: Tương ứng với 01 ống thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải (xử lý nguồn số 01, 02 và 03), tọa độ: X = 1187631; Y = 586547 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 8.000 m³/giờ

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục trong thời gian vận hành hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, hệ số K_p = 1,0 và K_v = 1,0), QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200		
3	Toluen	mg/Nm ³	750		
4	Xylen	mg/Nm ³	870		
5	Benzen	mg/Nm ³	5		
6	Metanol	mg/Nm ³	260		
7	Phenol	mg/Nm ³	19		

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải từ quá trình sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật dạng lỏng được thu gom bằng 03 chụp hút, sau đó được thu gom bằng ống dẫn khí kích thước Ø150mm dẫn về hệ thống xử lý khí thải công suất 8.000 m³/giờ để xử lý và thoát ra ngoài qua ống thoát khí thải kích thước Ø300mm, cao 10 m so với mặt đất.

- Nguồn số 02: Bụi, khí thải từ quá trình phối trộn, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật dạng hạt được thu gom bằng 04 chụp hút tại các khu vực: nạp liệu, đùn hạt, sấy và sàng phân loại thành phẩm, sau đó được thu gom bằng ống dẫn khí kích thước Ø150mm và Ø200mm dẫn về hệ thống xử lý khí thải công suất 8.000 m³/giờ để xử lý và thoát ra ngoài qua ống thoát khí thải kích thước Ø300mm, cao 10 m so với mặt đất.

- Nguồn số 03: Bụi, khí thải từ quá trình phối trộn, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật dạng bột (khu vực nghiền) được thu gom bằng ống dẫn khí kích thước Ø150mm (bố trí 02 quạt hút) dẫn về hệ thống xử lý khí thải công suất 8.000 m³/giờ để xử lý và thoát ra ngoài qua ống thoát khí thải kích thước Ø300mm, cao 10 m so với mặt đất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải quá trình sản xuất thuốc bảo vệ thực vật.

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

(1) Bụi, khí thải từ khu vực sản xuất thuốc bảo vệ thực vật dạng lỏng → Quạt hút → Tháp hấp thụ bằng dung dịch NaOH 3 - 5%.

(2) Bụi, khí thải từ khu vực sản xuất thuốc bảo vệ thực vật dạng hạt và bột → Quạt hút → Thiết bị lọc bụi túi vải.

(1) + (2) → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống thoát khí thải.

- Công suất thiết kế: 8.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOH, than hoạt tính, túi lọc vải PE.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải phù hợp với công suất, lưu lượng phát thải nhằm tránh tình trạng quá tải của hệ thống.

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất. Giám sát hệ thống xử lý khí thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Luôn trang bị các thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng của hệ thống xử lý khí thải để trong trường hợp gặp sự cố sẽ sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

- Khi hệ thống thu gom, xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian bắt đầu: Sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

- Thời gian kết thúc: Sau 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí bụi, khí thải từ quá trình sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, công suất thiết kế 8.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí lỗ kỹ thuật trên thân ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải, công suất 8.000 m³/giờ. Tọa độ: X = 1187631; Y = 586547 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰45', múi chiếu 3⁰).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung theo khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: Ít nhất 03 mẫu đơn khí thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Chủ cơ sở có trách nhiệm:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường, đồng thời phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung theo đúng quy định.

3.5. Thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định tại Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 12 năm 2025 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật dạng lỏng.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình phối trộn, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật dạng hạt.

- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình phối trộn, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật dạng bột.

- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung từ khu vực hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 05: Tiếng ồn, độ rung từ khu vực hệ thống xử lý khí thải.

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
70	60	-	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung phải đáp ứng quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Bố trí các máy móc, thiết bị trong các dây chuyền sản xuất một cách hợp lý; đồng thời thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị định kỳ; bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc; sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các bộ phận thiết bị hư hỏng, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy để giảm thiểu tiếng ồn và đảm bảo điều kiện vi khí hậu.

- Trang bị đủ phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp sản xuất và bố trí ca luân phiên hợp lý, giám sát việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động khi làm việc.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị để giảm thiểu độ rung khi hoạt động và thường xuyên kiểm tra độ cân bằng, hiệu chỉnh khi cần thiết.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Chủ cơ sở có trách nhiệm:

2.1. Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của cơ sở, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn cho các thiết bị để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 12 năm 2025
của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng tối đa (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	30
2	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	50
3	Pin, ắc quy chì thải	16 01 12	10
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	16 01 13	20
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	30
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	6.800
7	Bao bì mềm thải (không chứa hoá chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ)	14 01 05	8.500
8	Chất thải rắn có các thành phần nguy hại	03 04 09	8.000
9	Bao bì cứng thải (không chứa hoá chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ)	14 01 06	8.500

10	Bùn thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	3.800
11	Than hoạt tính thải từ hệ thống xử lý khí thải	12 02 06	180
Tổng			35.920

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Nhóm chất thải	Khối lượng tối đa (kg/năm)
1	Dây đai, thùng carton thải	14.400
2	Bao nilon, bao bì đóng gói thải	18.000
3	Bao bì nhựa không dính hóa chất	28.800
4	Pallet gỗ thải	25.200
Tổng		86.400

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 22,5 tấn/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 2 Điều 24 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định trường hợp chất thải công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại. Do đó, tất cả các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát được chủ cơ sở quản lý như chất thải nguy hại đã liệt kê tại mục 1.1 của Phụ lục này vì chủ cơ sở không thực hiện phân định chất thải.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích kho lưu chứa: 30 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa nằm bên trong nhà xưởng; có vách tường và tôn bao quanh; mái tôn che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ; mặt sàn bê tông chống thấm, bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào và có gờ chắn chống tràn để tránh tình trạng rò rỉ chất thải nguy hại dạng lỏng; có bảng tên kho và biển dấu hiệu cảnh báo theo đúng quy định; có phân loại chất thải nguy hại, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa chất thải, dán nhãn mã chất thải nguy hại theo quy định và trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố tràn đổ đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:

- Diện tích kho lưu chứa: 5m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa có thiết kế mái lợp tôn, mặt sàn được bê tông hóa, cao độ nền bảo đảm không bị nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, thông gió và chiếu sáng tốt, có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 5 m².

- Khu vực lưu chứa ngoài trời, nền bê tông chống thấm, có biển ghi chú, sử dụng thiết bị lưu chứa rác chuyên dụng có nắp đậy.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Chủ cơ sở có trách nhiệm:

1. Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hoá chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thoát khí thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

4. Thực hiện tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì theo quy định tại Chương VI Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 12 năm 2025 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất. Tăng cường hiệu quả trong việc sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường. Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại và chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

5. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

6. Giấy phép môi trường này là cơ sở pháp lý về lĩnh vực bảo vệ môi trường của cơ sở trong quá trình hoạt động. Đối với các nội dung thuộc lĩnh vực khác có liên quan, chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.